

Số: 306/TB-HWS

Thừa Thiên Huế, ngày 20 tháng 4 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN

V/v Công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2021

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: Công ty cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế (HueWACO)

2. Trụ sở chính: 103 Bùi Thị Xuân, Phường Phường Đúc, Thành phố Huế

3. Điện thoại: 0234.3815555 Fax: 0234.3826580

4. Mã chứng khoán: HWS

5. Người thực hiện công bố thông tin:

- Họ và tên: Ông Dương Quý Dương - Phó Tổng Giám Đốc Công ty.

- Địa chỉ: 4/118 Nguyễn Lộ Trạch, P. Xuân Phú, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

6. Loại thông tin công bố:

24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

7. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo thường niên năm 2021.

8. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế vào cùng ngày tại địa chỉ www.huewaco.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận: *cbjme*

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Thư ký;
- Lưu: VT *VT*



DƯƠNG QUÝ DƯƠNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: 103 Bùi Thị Xuân- Phường Phường Đúc-

Thành phố Huế- Tỉnh Thừa Thiên Huế

Tel: 0234 381555 Fax: 0234 3826580

Email: info@hewaco.com.vn Website: hewaco.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021

**“VÌ SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG
VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG”**

MỤC LỤC

A. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
5. Định hướng phát triển
6. Rủi ro

B. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động SXKD
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình tài chính
4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư CSH

C. Báo cáo của Ban Giám đốc

1. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Những cái tiến trong cơ cấu lao động, chính sách, quản lý
4. Phương hướng phát triển

D. Báo cáo của HĐQT

1. Đánh giá của HĐQT về mọi mặt hoạt động của công ty
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của BGD
3. Kế hoạch, định hướng của HĐQT

E. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị
2. Ban kiểm soát
3. Giao dịch và thu lao
4. Tăng cường quản trị công ty
5. Quản trị rủi ro

F. Phát triển bền vững

1. Mục tiêu phát triển bền vững
2. Đánh giá của BGD
3. Các chỉ tiêu phát triển bền vững

G. Kiểm toán báo cáo tài chính

1. Ý kiến của Kiểm toán đối với Báo cáo tài chính
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỪA THIÊN HUẾ**
(Tên Tiếng Anh: Thua Thien Hue Water Supply Joint Stock Company; Tên viết tắt: HueWACO)
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3300101491.
- Vốn điều lệ : 876.000.000.000 đồng.
- Địa chỉ : 103 Bùi Thị Xuân - Phường Đức - TP Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Số điện thoại : 0234.3815555.
- Số fax : 0234.3826580
- Email : info@huewaco.com.vn
- Website : www.huewaco.com.vn
- Công ty Cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế được niêm yết trên sàn UPCOM vào ngày 27/07/2018.
- Mã cổ phiếu : HWS (UPCOM)
- Khối lượng CP đang niêm yết : 87.600.000 cổ phiếu.

2. Quá trình hình thành và phát triển:

- Năm 1909, Nhà máy nước Huế được thành lập, sau này là Công ty cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế. Với công suất thiết kế đạt 2.500m³/ngđ; và tổng chiều dài đường ống mạng phân phối từ D50 - D400 khoảng 15km.
- Cuối năm 1925 đầu năm 1926, Nhà máy nước được nâng cấp và mở rộng, lắp đặt thêm 20km ống gang từ D50 đến D300, nâng tổng số chiều dài đường ống phân phối lên 54km và nâng công suất cấp nước lên 3.700 m³/ng.đ.
- Giai đoạn 1946 – 1975 là thời kỳ Nhà máy nước không phát triển nhiều, thậm chí có lúc sản xuất bị đình trệ do hậu quả của chiến tranh. Năm 1956 nhà máy nước Dã Viên được xây dựng hoàn thành đưa vào sử dụng cung cấp nước cho thành phố, công suất thiết kế 9.600 m³/ngày đêm.
- Sau năm 1975, đã khôi phục, cải tạo nhà máy nước Vạn Niên, trạm bơm Dã Viên và khu xử lý nước Quảng Tế, thi công 58 km đường ống cấp nước, đưa nước sạch cung cấp cho nhà máy sợi Thuỷ Dương, nhà máy Đông lạnh Sông Hương... nâng tổng công suất khai thác từ 9.600 m³/ng.đ (năm 1976) lên 30.000 m³/ng.đ (năm 1990).
- Từ 1993 – 2004, được sự tài trợ và vay vốn của Chính phủ Pháp và vốn đối ứng trong nước, Công ty đã mở rộng hệ thống cấp nước Huế, xây dựng một nhà máy xử lý nước mới 27.500m³/ng.đ (giai đoạn I tại Quảng Tế II), trạm bơm Vạn Niên II có công

suất 120.000m³/ng.đ, lắp đặt thêm 170 km đường ống gang dẻo của Pháp. Cải tạo và nâng cấp nhà máy Dĩ Viên 12.000 m³/ngày đêm, nhà máy Quảng Tế 1 từ 20.000 lên 30.000 m³/ng.đ. Nâng cấp nhà máy Tứ Hạ từ 4.000 lên 12.000m³/ngày đêm.

- Tháng 12/2005, Công ty Cấp thoát nước Thừa Thiên Huế chuyển đổi thành Công ty TNHH NNMTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế.

- Năm 2009, kỷ niệm 100 năm thành lập, Công ty hoàn thành dự án nâng công suất NMN Quảng Tế 2 từ 27.500m³/ngày đêm lên 82.500m³/ngày đêm. Đồng thời, đón nhận Huân chương độc lập hạng Nhì, công bố cấp nước an toàn trên toàn tỉnh, được Tổ chức Y tế thế giới công nhận là đơn vị đầu tiên công bố cấp nước an toàn tại Việt Nam.

- Năm 2014, kỷ niệm 105 năm thành lập, 5 năm công bố cấp nước an toàn, 10 năm thành lập Xí nghiệp NUĐC Bạch Mã, công bố ISO 14001 và ký hiệp định vay phụ 35,16 triệu USD với ADB và Bộ Tài chính, đồng thời khánh thành nhà máy nước Phong Thu là nhà máy an toàn và ngon đầu tiên của Công ty.

- Ngày 19/12/2016, tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế. Ngày 01/1/2017, chính thức hoạt động theo mô hình công ty Cổ phần.

- Ngày 21/12/2017, Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Chứng khoán số 232/2017/GCNCP-VSD, với tổng số lượng cổ phiếu đăng ký là 87.600.000 cổ phiếu.

- Năm 2018, Công ty chính thức đưa 87,6 triệu cổ phiếu của HueWACO vào giao dịch trên sàn chứng khoán Upcom tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, mã chứng khoán là HWS.

- Năm 2019, kỷ niệm 110 năm thành lập, khánh thành Dự án cấp nước TT.Huế 2011-2015, có tính đến 2020 thuộc Chương trình phát triển ngành nước Việt Nam vay vốn ADB đưa vào sử dụng 700 km đường ống từ DN50-DN1200; mở rộng cấp nước cho 31 phường xã, trong đó có 8 xã mới, tăng áp lực nước trên toàn mạng từ lên 2.0-2.5 kg/cm², giúp cho trên 260.000 đầu nôi gần 1 triệu dân (82% toàn tỉnh) được hưởng lợi.

- Năm 2020-2021, triển khai thực hiện dự án Nhà máy XLNS Vạn Niên công suất 120.000 m³/ngđ (giai đoạn 1: 60.000 m³/ngđ) và Dự án NM XLNS Thượng Long.

- Ngày 24/12/2021: tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021, thông qua miễn nhiệm thành viên HĐQT ông Trương Công Nam nghỉ hưu theo chế độ từ ngày 01/12/2021 và bầu bổ sung thành viên HĐQT đối với ông Lê Quang Minh, đồng thời HĐQT đã bầu ông Lê Quang Minh giữ chức Chủ tịch HĐQT và cử làm người đại diện theo pháp luật của HueWACO theo quy định tại Điều lệ.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

3.1. Ngành nghề kinh doanh

STT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước. <i>Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh nước sạch.</i>	3600 (chính)
2	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. <i>Chi tiết: Sản xuất nước uống tinh khiết đóng chai; Sản xuất nước uống Ion kiềm.</i>	1104
3	Bán buôn đồ uống. <i>Chi tiết: Kinh doanh nước uống tinh khiết đóng chai; Kinh doanh nước uống Ion kiềm.</i>	4633
4	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu. <i>Chi tiết: Sản xuất máy móc, vật tư thiết bị ngành nước.</i>	2599
5	Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác. <i>Chi tiết: Kinh doanh sản phẩm gia công cơ khí, máy móc, vật tư thiết bị ngành nước. Thực hiện liên kết kinh doanh, làm nhà phân phối, đại diện, đại lý các sản phẩm vật tư, thiết bị, công nghệ liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.</i>	4659
6	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. <i>Chi tiết: Lập dự án đầu tư các công trình thoát nước đô thị và nông thôn.</i>	7490
7	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. <i>Chi tiết:</i> + Thiết kế các công trình cấp thoát nước đô thị và nông thôn. + Tư vấn các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật. + Thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật. + Tư vấn chuyển giao kỹ thuật giảm thiểu nước không doanh thu. + Tư vấn chuyển giao công nghệ xử lý nước. + Tư vấn chuyển giao các ứng dụng CNTT trong lĩnh vực cấp nước.	7110
8	Hoạt động tư vấn quản lý. <i>Chi tiết: Tư vấn các công trình cấp thoát nước đô thị và nông thôn. Tư vấn, chuyển giao cấp nước an toàn.</i>	7020
9	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. <i>Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng.</i>	2392
10	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. <i>Chi tiết: kinh doanh vật liệu xây dựng.</i>	4663
11	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. <i>Chi tiết: Cho thuê máy móc thiết bị phương tiện phục vụ thi công các công trình cấp thoát nước.</i>	7730

STT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH
12	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. <i>Chi tiết: xây dựng công nghệ thông tin trong lĩnh vực cấp thoát nước.</i>	6209
13	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. <i>Chi tiết: Chế tạo công nghệ xử lý nước.</i>	3290
14	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. <i>Chi tiết: Kiểm tra chất lượng và độ tin cậy của đồng hồ đo nước lạnh.</i>	7120

3.2. Địa bàn kinh doanh :

Công ty hiện đang quản lý hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng, sản xuất, kinh doanh khu vực toàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Mô hình quản trị và sơ đồ bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Công ty cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế được tổ chức và điều hành theo mô hình Công ty cổ phần, tuân thủ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần cấp nước Thừa Thiên Huế được Đại hội đồng cổ đông thông qua lần thứ nhất ngày 19/12/2016, và sửa đổi bổ sung được Đại hội đồng cổ đông thông qua lần thứ hai ngày 28/06/2021.

- Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần cấp nước Thừa Thiên Huế, cơ cấu tổ chức và quản lý của Công ty gồm:

+ Đại hội đồng cổ đông;

+ Hội đồng quản trị:

+ Ban Kiểm soát;

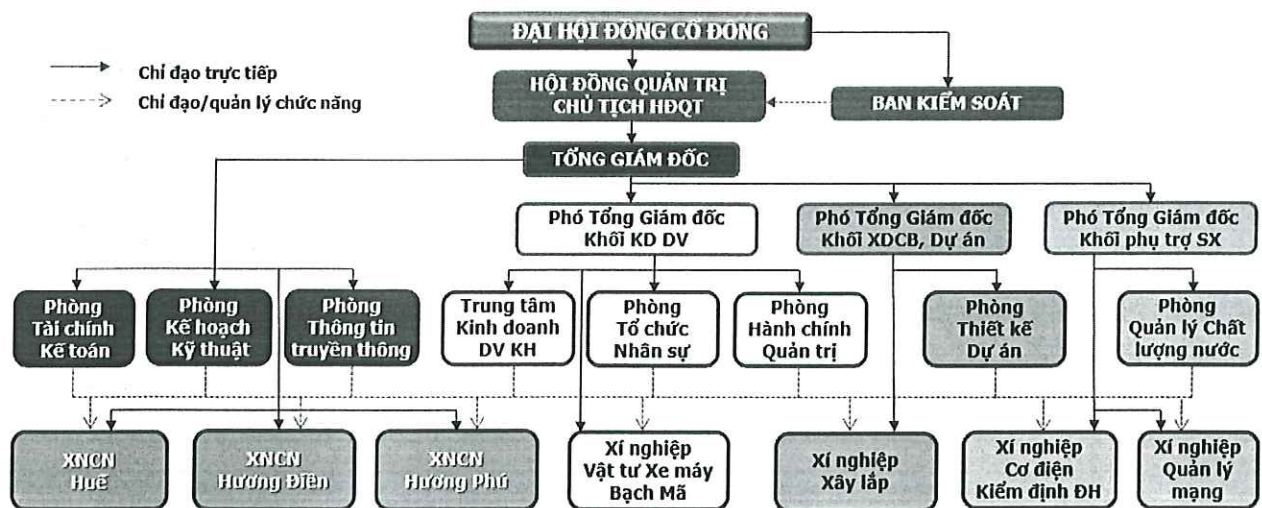
+ Ban Tổng Giám đốc;

+ 8 phòng ban, đơn vị chuyên môn; gồm: Phòng Hành chính Quản trị; Phòng Tài chính Kế toán; Phòng Kế hoạch Kỹ thuật; Phòng Tổ chức Nhân sự; Phòng Thiết kế Dự án; Phòng Thông tin Truyền thông; Phòng Quản lý Chất lượng nước; Trung tâm Kinh doanh dịch vụ khách hàng.

+ 7 Xí nghiệp, gồm: Xí nghiệp Cấp nước Huế; Xí nghiệp Cấp nước Hương Điền; Xí nghiệp Cấp nước Hương Phú; Xí nghiệp Xây lắp ; Xí nghiệp Quản lý mạng; Xí nghiệp Cơ điện & Kiểm định đồng hồ; Xí nghiệp Vật tư Xe máy Bạch Mã.

+ Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

- Sơ đồ cơ cấu tổ chức và quản lý của Công ty:



- **Đại hội đồng cổ đông:** Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan thông qua chủ trương chính sách đầu tư dài hạn trong việc phát triển Công ty, quyết định cơ cấu vốn, bầu ra cơ quan quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

- **Hội đồng quản trị:** Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan tới mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ quyết định. Hội đồng quản trị xây dựng định hướng, chính sách tồn tại và phát triển để thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hoạch định chính sách, ra nghị quyết hành động cho từng thời điểm phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty. Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ không quá 5 năm và có thể bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế.

Hội đồng quản trị do ĐHĐCĐ của Công ty cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế bầu, Hội đồng quản trị hiện tại gồm 07 thành viên, trong đó có 01 Chủ tịch Hội đồng quản trị và 06 thành viên. Hội đồng quản trị có các trách nhiệm chính như sau:

+ Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông;

+ Giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;

+ Thành viên Hội đồng quản trị sẽ được phân công giám sát từng lĩnh vực hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và bộ máy quản lý Công ty;

+ Quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định.

- **Ban Kiểm soát:** Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ của Công ty bầu. Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 năm, có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

- **Ban Tổng Giám đốc:** Ban Tổng Giám đốc Công ty bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó tổng Giám đốc đều do HĐQT bổ nhiệm. Hiện tại, Công ty có 01 Tổng Giám đốc và 03 Phó tổng Giám đốc, các thành viên đều tham gia làm việc toàn thời gian cho Công ty.

Trách nhiệm chính của Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc là:

- + Thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và ĐHĐCĐ.
- + Trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh hàng năm và thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua.
- + Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, ký hợp đồng lao động, quyết định mức lương, lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, ngoại trừ những chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

- **Các phòng ban, đơn vị chuyên môn:** Các phòng, ban nghiệp vụ có chức năng tham mưu và giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc, trực tiếp điều hành theo chức năng chuyên môn và theo chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc. Cán bộ phụ trách các phòng ban nghiệp vụ do Tổng Giám đốc quyết định theo phân cấp được Hội đồng quản trị phê duyệt.

5. Định hướng phát triển

5.1. Các mục tiêu chủ yếu:

- Đột phá về cơ cấu tổ chức, nhân sự: Nguồn nhân lực là chìa khóa vàng của thành công gắn với phát huy quyền làm chủ của tập thể.

- Đột phá về quản trị điều hành: quản trị hiệu quả hoạt động, quản trị rủi ro; rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy trình, định mức kinh tế kỹ thuật, các giải pháp công nghệ hiện đại, đổi mới liên tục.

- Đột phá về cơ sở vật chất, nhà máy, thiết bị: ngày càng hiện đại, vận hành trên nền tảng công nghệ số.

5.2. Thực hiện 5 nhóm giải pháp trọng tâm:

- Tái cơ cấu, quy hoạch nhân sự, đẩy mạnh đào tạo.

- Nâng cao chất lượng nước, đảm bảo cấp nước an toàn gắn với an ninh nguồn nước, xây dựng Trung tâm điều hành và Trung tâm kinh doanh DVKH trên nền tảng số, dịch vụ hoàn hảo.

- Tạo sự đột phá về Doanh thu dựa trên tiềm năng thế mạnh sẵn có; tiết giảm chi phí; kinh doanh ngày càng hiệu quả.

- Triển khai các dự án đầu tư theo kế hoạch, đảm bảo hiệu quả cao nhất.

- Đảm bảo hài hòa lợi ích: cổ đông, người lao động, cộng đồng để phát triển bền vững.

6. Các rủi ro

- Địa bàn cấp nước rộng lớn, bao gồm cả đô thị, nông thôn, các khu vực bãi ngang, đầm phá ven biển và miền núi. Do vậy, khó khăn trong công tác quản lý, giảm tỷ lệ nước không doanh thu. Đồng thời, cần nguồn vốn đầu tư lớn để duy trì, bảo dưỡng hệ thống.

- Các công trình cấp nước nông thôn tiếp nhận hầu hết đã xuống cấp nghiêm trọng, để đảm bảo hoạt động đồng bộ và có hiệu quả cần nguồn vốn đầu tư lớn để nâng cấp, cải tạo, đảm bảo cấp nước an toàn.

- Ảnh hưởng của quá trình đô thị hóa và sự chùng chéo trong đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, giao thông, viễn thông, làm tăng nguy cơ các sự cố vỡ đường ống.

- Tình trạng xả thải do ý thức của người dân về môi trường chưa cao ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước.

- Tình trạng biến đổi khí hậu, thời tiết cực đoan, nắng nóng kéo dài bất thường làm chất lượng nguồn nước suy giảm và xâm nhập mặn; mưa lớn nhiều tháng liền, lạnh sâu và bão lũ lớn với tần suất ngày càng tăng; trong khi cơ sở hạ tầng vẫn chưa đảm bảo, nhiều nhà máy đã đầu tư qua nhiều năm hiện đã quá cũ, công suất thiếu, bể chứa nhỏ... nên khó duy trì an ninh nước, nguy cơ rủi ro cao.

- Ngoài ra, các rủi ro bất khả kháng khác như chiến tranh, thiên tai, động đất, dịch bệnh... dù rất hiếm nhưng nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng lớn đến hoạt động SXKD Công ty.

B. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2021, tỉnh Thừa Thiên Huế phải đối mặt với nhiều khó khăn nhất là do ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19, trong bối cảnh khó khăn chung, HueWACO cũng chịu nhiều tác động, ảnh hưởng đến hoạt động SXKD. Tuy vậy, Công ty đã không ngừng nỗ lực vượt khó, hoàn thành các chỉ tiêu theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2021 đã đề ra.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2021	So với thực hiện 2020		So với kế hoạch 2021	
				TH 2020	TH2021/TH2020	KH 2021	TH2021/KH 2021
1	Sản lượng nước ghi thu	tr.m ³	56,13	54,39	103,18%	55,80	100,58%
2	Tổng doanh thu + thu nhập khác	tỷ đồng	599,13	573,69	104,43%	564,14	106,20%
	- Doanh thu nước sạch	tỷ đồng	545,03	519,78	104,86%	539,57	101,01%
	- Doanh thu khác	tỷ đồng	54,09	53,91	100,35%	24,57	220,12%
3	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	126,65	119,47	106,01%		
4	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	101,30	95,53	106,03%	95,22	106,38%
5	Tổng tài sản	tỷ đồng	1.912,34	1.942,91	98,43%		
6	Vốn điều lệ	tỷ đồng	876,00	876,00	100,00%	876,00	100,00%
7	Nộp ngân sách	tỷ đồng	70,18	71,62	97,98%	69,10	101,56%

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách ban điều hành

- Giới thiệu HĐQT

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ông Lê Quang Minh	CT HĐQT (bổ nhiệm ngày 24/12/2021)	Sở hữu đại diện (từ ngày 24/12/2021): 31.278.300 cổ phần (UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)	35,71%
2	Ông Trương Công Nam	CT HĐQT (miễn nhiệm ngày 24/12/2021)	Sở hữu cá nhân: 296.800 cổ phần	0,34%
			Sở hữu đại diện (trước ngày 24/12/2021): 31.278.300 cổ phần (UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)	35,71%
3	Ông Trương Công Hân	TV HĐQT; Tổng Giám đốc	Sở hữu cá nhân: 69.300 cổ phần	0,08%
			Sở hữu đại diện: 11.652.700 cổ phần (UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)	13,30%
4	Ông Trần Văn Thọ	TV HĐQT; Phó TGD	Sở hữu cá nhân: 134.900 cổ phần	0,15%
			Sở hữu đại diện: 6.133.000 cổ phần (UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)	7,00%
5			Sở hữu cá nhân: 45.200 cổ phần	0,05%

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu (%)
	Ông Dương Quý Dương	TV HĐQT; Phó TGD	Sở hữu đại diện: 6.133.000 cổ phần (UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)	7,00%
6	Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	TV HĐQT; Phó TGD	Sở hữu cá nhân: 68.700 cổ phần	0,08%
7	Ông Trương Minh Châu	TV HĐQT; Kế toán trưởng	Sở hữu cá nhân: 65.900 cổ phần	0,08%
			Sở hữu đại diện: 6.133.000 cổ phần (UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)	7,00%
8	Ông Vũ Anh Tuấn	TV HĐQT	Sở hữu đại diện: 10.090.909 cổ phần (Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai)	11,52%

- Giới thiệu Ban điều hành

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Ông Trương Công Hân	Tổng giám đốc
2	Ông Trần Văn Thọ	Phó Tổng giám đốc
3	Ông Dương Quý Dương	Phó Tổng giám đốc
4	Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Phó Tổng giám đốc
5	Ông Trương Minh Châu	Kế toán trưởng

- Tóm tắt lý lịch HĐQT

❖ Ông Lê Quang Minh – Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm từ ngày 24/12/2021)

1. Họ và tên	Lê Quang Minh
2. Năm sinh	01/03/1971
3. Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Kinh tế
4. Chức vụ tại Công ty	Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm từ ngày 24/12/2021)
5. Chức vụ tại các công ty khác	Không có
6. Số cổ phần nắm giữ	Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
	Sở hữu đại diện (từ ngày 24/12/2021): 31.278.300 cổ phần (UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)
7. Quá trình công tác	- Từ 11/1993 - 10/1995: công tác tại Sở Tài chính Vật giá tỉnh Thừa Thiên Huế.

	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 11/1995 - 07/2004: thanh tra viên cấp 1, ủy viên ủy ban kiểm tra Đảng bộ Sở Tài chính Vật giá Thừa Thiên Huế nhiệm kỳ 2003 – 2005. - Từ 08/2004 đến 14/01/2005: công tác tại phòng Tài chính doanh nghiệp, Sở Tài chính. Từ 01/12/2004, Phó chánh thanh tra Tài chính – Giá cả, Sở Tài chính. - Từ 15/01/2005 - 2006: Chuyên viên Phòng Tổng Hợp Văn phòng UBND tỉnh; Bí thư Chi bộ I Đảng bộ Văn phòng UBND tỉnh. - Từ 2006-2007: Phó Trưởng phòng Tổng hợp Văn phòng UBND tỉnh; Bí thư Chi bộ I, ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ Văn phòng UBND tỉnh. - Từ 2007-04/5/2015: Trưởng phòng Tổng hợp Văn phòng UBND tỉnh; Bí thư Chi bộ Tổng hợp Kinh tế, ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ Văn phòng UBND tỉnh. - Từ 05/5/2015-28/02/2019: Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển và bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh TT. Huế. - Từ 01/3/2019 - 24/12/2021: Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh TT.Huế; Bí thư Chi bộ cơ sở Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh TT. Huế. - 24/12/2021 - nay: Thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cấp nước TT.Huế.
--	--

❖ Ông Trương Công Nam – Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 24/12/2021)

1. Họ và tên	Trương Công Nam
2. Năm sinh	20/08/1961
3. Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ quản trị kinh doanh
4. Chức vụ tại Công ty	Nguyên Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 24/12/2021)
5. Chức vụ tại các công ty khác	Không có
6. Số cổ phần nắm giữ	Sở hữu cá nhân: 296.800 cổ phần
	Sở hữu đại diện (trước ngày 24/12/2021): 31.278.300 cổ phần (UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)
7. Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 07/1979 – 09/1983: Ủy viên Ban chấp hành Đoàn thanh niên Đồn biên phòng 144 Bình Trị Thiên. - Từ 10/1983 – 08/1987: Tổ trưởng tổ Đảng – Sinh viên trường đại học tổng hợp Huế.

	<p>- Từ 09/1987 – 12/1992: Bí thư Đoàn Thanh niên Công ty Cấp thoát nước Thừa Thiên Huế.</p> <p>- Từ 01/1993 – 08/1996: Phó Giám đốc Công ty Cấp thoát nước Thừa Thiên Huế kiêm chủ tịch Công đoàn.</p> <p>- Từ 08/1996 – 11/2005: Phó Giám đốc Công ty Cấp thoát nước Thừa Thiên Huế kiêm Bí thư chi bộ.</p> <p>- Từ 12/2005 – 12/2016: Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH NNMTV Xây dựng và Cấp thoát nước TT.Huế</p> <p>- Từ 01/2017 – 24/12/2021: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cấp nước TT.Huế.</p>
--	---

❖ Ông Trương Công Hân – TV HĐQT, TGD

1. Họ và tên	Trương Công Hân
2. Năm sinh	30/05/1982
3. Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ quản trị kinh doanh; Kỹ sư cấp thoát nước
4. Chức vụ tại Công ty	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước TT.Huế.
5. Chức vụ tại các công ty khác	Không có
6. Số cổ phần nắm giữ	Sở hữu cá nhân: 69.300 cổ phần
	Sở hữu đại diện: 11.652.700 cổ phần (UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)
7. Quá trình công tác	<p>- Từ 07/2004 – 05/2006: Nhân viên phòng Kế hoạch Công ty cấp thoát nước Thừa Thiên Huế.</p> <p>- Từ 06/2007 – 09/2008: Phó Phòng Kế hoạch Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước T T Huế.</p> <p>- Từ 10/2008 – 05/2010: Trưởng phòng Kế hoạch Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế.</p> <p>- Từ 06/2010 – 11/2014: Phó bí thư Đảng ủy (nhiệm kỳ 2010 – 2015); Ủy viên BCH Hội liên hiệp thanh niên Việt Nam; Đại biểu HĐND thành phố Huế nhiệm kỳ 2011 – 2016.</p> <p>- Từ 12/2014 – 12/2016: Phó Giám đốc Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước TT.Huế.</p> <p>- Từ 01/2017 – nay: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước TT.Huế. .</p>

❖ Ông Trần Văn Thọ – TV HĐQT, Phó TGD thường trực

1. Họ và tên	Trần Văn Thọ
2. Năm sinh	25/09/1980
3. Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản lý kinh tế, Kỹ sư cấp thoát nước
4. Chức vụ tại Công ty	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc thường trực Công ty Cổ phần Cấp nước TT.Huế.
5. Chức vụ tại các công ty khác	Không có
6. Số cổ phần nắm giữ	Sở hữu cá nhân: 134.900 cổ phần
	Sở hữu đại diện: 6.133.000 cổ phần (UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)
7. Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 10/2002 – 03/2003: Nhân viên phòng Kỹ thuật Công ty Cấp thoát nước Thừa Thiên Huế. - Từ 04/2003 – 03/2004: Nhân viên phòng Thiết kế Công ty Cấp thoát nước Thừa Thiên Huế. - Từ 12/2007 – 12/2008: Trưởng phòng thiết kế Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế. - Từ 12/2008 – 12/2016: Phó Giám đốc Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế. - Từ 01/2017 – nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc thường trực Công ty Cổ phần Cấp nước TT.Huế.

❖ Ông Dương Quý Dương – TV HĐQT, P. TGD

1. Họ và tên	Dương Quý Dương
2. Năm sinh	22/10/1978
3. Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ quản trị kinh doanh Đại học Kinh tế Huế
4. Chức vụ tại Công ty	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước TT.Huế.
5. Chức vụ tại các công ty khác	Không có
6. Số cổ phần nắm giữ	Sở hữu cá nhân: 45.200 cổ phần
	Sở hữu đại diện: 6.133.000 cổ phần (UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)
7. Quá trình công tác	- Từ 10/2000 – 11/2003: Nhân viên phòng Tổ chức – Hành chính Công ty cấp thoát nước Thừa Thiên Huế.

	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 12/2003 – 12/2007: Phó phòng Hành chính – Pháp chế Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế. - Từ 01/2008 – 02/2011: Phó phòng lao động tiền lương Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế. - Từ 03/2011 – 09/2014: Trưởng phòng Lao động tiền lương Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế. - Từ 10/2014 – 12/2016: Trưởng phòng Đào tạo phát triển nguồn nhân lực Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế. - Từ 01/2017 – 12/2017: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc kiêm trưởng phòng Đào tạo phát triển nguồn nhân lực Công ty Cổ phần Cấp nước TT.Huế. - Từ 01/2018 – nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước TT.Huế.
--	--

❖ Ông Nguyễn Mạnh Tuấn – TV HĐQT, P. TGD

1. Họ và tên	Nguyễn Mạnh Tuấn
2. Năm sinh	10/10/1962
3. Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Điện kỹ thuật Đại học Bách khoa Đà Nẵng
4. Chức vụ tại Công ty	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước TT.Huế.
5. Chức vụ tại các công ty khác	Không có
6. Số cổ phần nắm giữ	Sở hữu cá nhân: 68.700 cổ phần
	Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
7. Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 07/1986 – 07/1987: Cán bộ kỹ thuật Xí nghiệp Dệt Phú Xuân. - Từ 07/1987 – 05/1988: Phân xưởng trưởng Phân xưởng điện Xí nghiệp Dệt Phú Xuân. - Từ 05/1988 – 07/1989: Quản đốc Phân xưởng cơ điện Xí nghiệp Dệt Phú Xuân. - Từ 08/1989 – 08/1994: Nhân viên phòng Kế hoạch Kỹ thuật Công ty Cấp thoát nước Thừa Thiên Huế. - Từ 09/1994 – 12/1999: Trưởng phòng Kế hoạch kỹ thuật - vật tư Công ty Cấp thoát nước Thừa Thiên Huế.

	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 01/2000 – 12/2005: Phó Giám đốc Công ty Cấp thoát nước Thừa Thiên Huế. - Từ 12/2005 – 12/2016: Phó Giám đốc Công ty TNHH Nhà nước MTV Xây dựng và Cấp nước TT.Huế - Từ 01/2017 – nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước TT.Huế.
--	--

❖ Ông Trương Minh Châu – TV HĐQT, Kế toán trưởng

1. Họ và tên	Trương Minh Châu
2. Năm sinh	31/10/1977
3. Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng, Cử nhân kế toán Đại học Kinh tế Huế
4. Chức vụ tại Công ty	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Cấp nước TT.Huế.
5. Chức vụ tại các công ty khác	Không có
6. Số cổ phần nắm giữ	Sở hữu cá nhân: 65.900 cổ phần
	Sở hữu đại diện: 6.133.000 cổ phần
7. Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 10/1999 – 09/2008: Nhân viên kế toán Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước TT. Huế. - Từ 10/2008 – 12/2009: Phó phòng Kế toán Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước TT. Huế. - Từ 01/2010 – 08/2012: Phó phòng Kế toán kiêm Kế toán tổng hợp Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế. - Từ 09/2012 – 12/2016: Kế toán trưởng Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế. - Từ 01/2017 – nay: Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Cấp nước TT.Huế.

❖ Ông Vũ Anh Tuấn – TV HĐQT

1. Họ và tên	Vũ Anh Tuấn
2. Năm sinh	18/12/1975

3. Trình độ chuyên môn	Cử nhân Xây dựng dân dụng và công nghiệp- Đại học Xây dựng Hà Nội,
4. Chức vụ tại Công ty	Thành viên HĐQT
5. Chức vụ tại các công ty khác	Giám đốc CTCP Đầu tư hạ tầng nước DNP – Long An
6. Số cổ phần nắm giữ	Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
	Sở hữu đại diện: 10.090.909 cổ phần
7. Quá trình công tác	<p>- Từ 1997 – 2008: Cán bộ Tổng Công ty Xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam.</p> <p>- Từ 2008 – 2015: Phó Giám đốc Công ty Sông Đà Thăng Long</p> <p>- Từ 2015 – nay: Giám đốc CTCP Đầu tư hạ tầng nước DNP – Long An.</p> <p>- Từ 01/2017 – nay: Thành viên HĐQT CTCP Cấp nước Thừa Thiên Huế, Giám đốc CTCP Đầu tư hạ tầng nước DNP – Long An.</p>

- Giới thiệu Ban kiểm soát

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Bà Nguyễn Thị Liên Ngọc	Trưởng BKS	Sở hữu cá nhân: 101.700	0,12%
2	Bà Nguyễn Thị Trang	TV BKS	Sở hữu đại diện: 2.293.018 (Công ty TNHH Cơ điện Hawaco)	2,62%
3	Bà Nguyễn Ái Minh	TV BKS	Sở hữu cá nhân: 15.000	0,02%

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ	Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác	Trình độ chuyên môn	Quá trình công tác
1	Bà Nguyễn Thị Liên Ngọc	30/07/1978	Trưởng BKS	Không có	Thạc sỹ Quản lý kinh tế; Cử nhân kinh tế; Cử nhân khoa học	<p>- Từ 08/2000 – 08/2001: Nhân viên phòng kế hoạch Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế.</p> <p>- Từ 09/2001 – 01/2006: Nhân viên phòng kế toán Công ty TNHH NN</p>

						<p>MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế.</p> <p>- Từ 02/2006 – 03/2007: Nhân viên xí nghiệp xây dựng cơ bản Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế.</p> <p>- Từ 04/2007 – 11/2011: Nhân viên phòng kế toán Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế.</p> <p>- Từ 12/2012 – 12/2016: Đảng ủy viên, Kiểm soát viên Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế.</p> <p>- Từ 01/2017 - nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước TT.Huế.</p>
2	Bà Nguyễn Ái Minh	09/04/1988	TV BKS	Không có	Cử nhân kế toán - tài chính	<p>- Từ 10/2010 – 12/2016: Nhân viên phòng kế toán Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế.</p> <p>- Từ 01/2017 – nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước TT.Huế.</p>
3	Bà Nguyễn Thị Trang	07/9/1984	TV BKS	Giám đốc Công ty TNHH Cơ điện Hawaco	Kỹ sư kinh tế giao thông	

2.2. Số lượng cán bộ, nhân viên

- Số lượng nhân sự:

TT	Tiêu chí	Số lượng 2021 (người)	Số lượng 2020 (người)	Tăng giảm 2021/2020 (%)
I	Theo trình độ lao động			
1	Trình độ trên Đại học	17	15	+13,3%
2	Trình độ Đại học	172	172	0
3	Trình độ Cao đẳng và Trung cấp chuyên nghiệp	109	33	+230,3%
4	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	167	249	-32,9%
5	Lao động phổ thông	46	46	0
II	Theo đối tượng lao động			

TT	Tiêu chí	Số lượng 2021 (người)	Số lượng 2020 (người)	Tăng giảm 2021/2020 (%)
1	Lao động trực tiếp	312	336	-7,1%
2	Lao động gián tiếp	199	179	+11,2%
III	Theo giới tính			
1	Nam	385	388	-0,8%
2	Nữ	126	127	-0,8%
IV	Theo độ tuổi			
1	Dưới 25	2	5	-60,0%
2	Từ 25-35	108	155	-30,3%
3	Trên 35	401	355	+13,0%
V	Theo thời gian làm việc tại công ty			
1	Từ 0-2 năm	20	14	+42,9%
2	Từ 2-5 năm	38	35	+8,6%
3	Từ 5-10 năm	117	98	+19,4%
4	Trên 10 năm	336	368	-8,7%
Tổng cộng		511	515	-0,8%

- Chính sách nhân sự:

Chính sách tuyển dụng: Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh, yêu cầu công việc, vị trí việc làm, Công ty lập kế hoạch tuyển dụng nhân sự với những tiêu chí khác nhau để đảm bảo công tác tuyển dụng lao động đáp ứng yêu cầu công việc phù hợp với định hướng, nhu cầu phát triển của Công ty.

Chế độ làm việc: Công ty thực hiện chế độ làm việc 8h/ngày; 40giờ/tuần.

Chính sách trả lương: Việc trả lương được thực hiện theo quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty theo 3P (P1: vị trí công tác, P2: năng lực, P3: kết quả hoàn thành công việc). Kế hoạch cụ thể về quỹ lương sẽ do Hội đồng xét duyệt tiền lương của Công ty quyết định trên cơ sở kế hoạch SXKD, các chỉ tiêu về lao động sử dụng, doanh thu, lợi nhuận đảm bảo công bằng, hợp lý, đúng quy định Công ty và theo chế độ Nhà nước nhằm khuyến khích người lao động gắn bó lâu dài với Công ty.

Chính sách khen thưởng: Căn cứ quy định của pháp luật về lao động, kế hoạch kinh doanh và tình hình cụ thể của quá trình hoạt động kinh doanh. Công ty có chế độ khen thưởng phù hợp để khuyến khích CBCNV, đồng thời đảm bảo các yêu cầu về mặt tài chính.

Phúc lợi của người lao động: Công ty thực hiện đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo đúng quy định của chế độ chính sách nhà nước. Trong năm giải quyết chế độ phụ cấp độc hại, bồi dưỡng hiện vật cho CBCNV-LĐ làm việc ở những khu vực và mang tính chất độc hại (phụ cấp 10% lương, phụ cấp thêm 4.000 đồng/người/ngày và bồi dưỡng hiện vật bằng sữa). Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể CBCNV-LĐ, tổ chức tiêm vaccine covid-19 cho toàn thể CBCNV.

3. Tình hình tài chính

3.1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2021	Năm 2020	Tăng giảm (%)
Doanh thu thuần	triệu đồng	586.443	556.633	5,36%
Lợi nhuận gộp	triệu đồng	178.928	175.950	1,69%
Chi phí BH và QLDN	triệu đồng	56.150	54.856	2,36%
Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	126.646	119.465	6,01%
Lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	101.295	95.533	6,03%
EPS	đồng	1.159	1.093	6,03%

Năm 2021, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 586.443 tỷ đồng, tăng 5,36% so với cùng kỳ và hoàn thành 104% kế hoạch năm. Trong đó, doanh thu sản xuất, kinh doanh nước đạt 545.033 tỷ đồng, tăng 4,86% và doanh thu khác đạt 41.410 tỷ đồng, tăng 12,36% so với cùng kỳ.

Lợi nhuận sau thuế đạt 101.295 tỷ đồng, tăng 6,03% so với cùng kỳ và hoàn thành 106% kế hoạch năm, tương đương EPS 1.159 đồng.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp trong năm 2021 đạt 9,57% trên doanh thu thuần. Các chi phí vận hành của Công ty đã được tối ưu hóa đáng kể so với tỉ lệ 9,85% năm ngoái.

3.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	2021	2020	Tăng/ giảm
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
- Hệ số thanh toán hiện hành	lần	1,06	1,29	(0,23)
- Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,74	1,06	(0,32)
- Hệ số thanh toán tiền mặt	lần	0,18	0,38	(0,20)
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
- Hệ số nợ/tổng tài sản	%	48,64	50,11	(1,47)
- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	%	94,69	100,43	(5,74)
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				

Các chỉ tiêu	ĐVT	2021	2020	Tăng/ giảm
- Vòng quay hàng tồn kho	vòng	13,06	10,78	2,28
- Vòng quay tổng tài sản	vòng	0,30	0,30	0,01
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	17,27	17,16	0,11
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH	%	10,31	9,86	0,46
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS	%	5,30	4,92	0,38
- Hệ số lợi nhuận gộp/ Doanh thu thuần	%	30,51	31,61	(1,10)

- *Khả năng thanh toán:* Chỉ số thanh toán hiện hành năm 2021 của công ty > 1 đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn.
- *Cơ cấu vốn:* Hệ số nợ/ tổng tài sản và hệ số nợ/vốn CSH đều giảm so với cùng kỳ năm 2020 => Tốt.
- *Năng lực hoạt động:* Các chỉ số đều được cải thiện trong năm 2021 cho thấy Công ty vẫn phát huy được chính sách quản lý hàng tồn kho hiệu quả và tối ưu.
- *Khả năng sinh lời:* Năm 2021 với sự nỗ lực phát triển doanh thu và kiểm soát chi phí, tỷ suất lợi nhuận của công ty vẫn được duy trì ở mức cao.

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

4.1. Cổ phần

Tính đến ngày 25/03/2022 số lượng cổ phần của Công ty như sau:

- Vốn điều lệ đăng ký: 876.000.000.000 đồng
- Tổng khối lượng cổ phần đã phát hành và niêm yết: 87.600.000 đồng
- Loại cổ phần: 1 quyền/cổ phần
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 217.000 cổ phần
- Loại phổ thông, mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần

4.2. Cơ cấu cổ đông

(Theo danh sách cổ đông chốt ngày 25/03/2022)

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Cổ đông lớn (>=5%)	71.420.909	81,53
	- Trong nước	71.420.909	81,53
	- Nước ngoài	-	-
2	Cổ đông khác (<=5%)	15.962.091	18,22
	- Trong nước	15.903.391	18,15
	- Nước ngoài	58.700	0,07
3	Cổ phiếu quỹ	217.000	0,25

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
	Tổng cộng	87.600.000	100

- Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Cổ đông Nhà nước	61.330.000	70,01
2	Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai	10.090.909	11,52

4.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Lịch sử tăng vốn: Kể từ thời điểm chuyển thành Công ty cổ phần (01/1/2017), đến nay, Công ty không có sự thay đổi về vốn đầu tư của chủ sở hữu, do đó, mức vốn điều lệ giữ nguyên là 876 tỷ đồng.

C. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2021, Công ty đã không ngừng nỗ lực vượt khó, hoàn thành đạt và vượt các chỉ tiêu theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2021 đã đề ra (số liệu chi tiết trong bảng mục 2.1). Trong năm, Công ty thực hiện chấp hành tốt các chế độ, chính sách, pháp luật theo quy định về lĩnh vực thuế, tín dụng, bảo hiểm, bảo vệ môi trường, lao động, tiền lương, chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán, chế độ báo cáo tài chính và báo cáo khác.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản

(Đơn vị tính: đồng)

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2020	Chênh lệch	
			Số tiền	%
A. Tài sản ngắn hạn	348.746.734.820	539.693.537.814	-190.946.802.994	(35,38)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	59.540.230.635	160.488.213.529	-100.947.982.894	(62,90)
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	0	50.000.000.000	-50.000.000.000	(100,00)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	184.271.511.873	235.265.412.270	-50.993.900.397	(21,68)
IV. Hàng tồn kho	44.918.021.567	51.637.808.492	-6.719.786.925	(13,01)
V. Tài sản ngắn hạn khác	60.016.970.745	42.302.103.523	17.714.867.222	41,88
B. Tài sản dài hạn	1.563.589.425.056	1.403.216.783.417	160.372.641.639	11,43
II. Tài sản cố định	1.228.795.432.899	1.254.257.148.044	-25.461.715.145	(2,03)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	330.917.007.917	146.401.232.143	184.515.775.774	126,03

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2020	Chênh lệch	
			Số tiền	%
VI. Tài sản dài hạn khác	3.876.984.240	2.558.403.230	1.318.581.010	51,54
Tổng cộng tài sản	1.912.336.159.876	1.942.910.321.231	-30.574.161.355	(1,57)

2.2. Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2020	Chênh lệch	
			Số tiền	%
I. Nợ ngắn hạn	328.466.892.222	419.340.217.582	-90.873.325.360	(21,67)
1. Phải trả cho người bán	17.755.310.886	138.463.486.173	-120.708.175.287	(87,18)
2. Người mua trả tiền trước	4.672.010.982	2.678.302.915	1.993.708.067	74,44
3. Thuế và khoản phải nộp NN	12.471.212.773	10.119.173.383	2.352.039.390	23,24
4. Phải trả người lao động	19.350.438.291	17.071.908.525	2.278.529.766	13,35
6. Phải trả ngắn hạn khác	205.217.935.495	161.107.261.391	44.110.674.104	27,38
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	56.011.978.154	64.042.442.026	-8.030.463.872	(12,54)
8. Quỹ khen thưởng, PL	6.215.528.246	10.113.646.936	-3.898.118.690	(38,54)
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	6.772.477.395	15.743.996.233	-8.971.518.838	(56,98)
II. Nợ dài hạn	601.616.904.120	554.206.935.046	47.409.969.074	8,55
Tổng Nợ phải trả	930.083.796.342	973.547.152.628	-43.463.356.286	(4,46)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Tôn chỉ hoạt động: Làm việc theo kế hoạch, giải quyết công việc theo quy trình, điều hành theo quy chế, quy định, định mức kỹ thuật.

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát Ban Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc của Công ty, Nâng cao chất lượng của Công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ, kiểm tra việc thực thi công việc theo sự phân công nhiệm vụ hoặc phân cấp từ HĐQT.

- Thực hiện tái cơ cấu các bộ phận theo hướng tinh giản, hiệu quả; đẩy mạnh công tác khoán.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Duy trì cấp nước an toàn, hướng đến cấp nước an toàn và ngon, an ninh nước, phát triển bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Nâng cao nhận thức người lao động, phát động thi đua tăng năng suất, chất lượng và cải tiến đổi mới phương pháp làm việc, phương pháp quản lý, khuyến khích người lao động đổi mới tư duy, sáng tạo, nâng cao hiệu quả làm việc.

- Không ngừng nghiên cứu, sáng tạo khoa học kỹ thuật.

- Tăng cường công tác nhân sự, phân cấp nhân sự chất lượng cao, làm tốt công tác dịch vụ khách hàng, hướng đến dịch vụ hoàn hảo.

D. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty

Năm 2021, Công ty đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đề ra (số liệu chi tiết trong bảng mục 2.1).

Mặc dù năm 2021 gặp nhiều khó khăn do tình trạng biến đổi khí hậu gây nên các hiện tượng thời tiết cực đoan, hạn hán làm thiếu hụt nguồn nước nghiêm trọng; tình hình dịch bệnh bùng phát mạnh trở lại, ảnh hưởng doanh thu nước do tiêu thụ khối KD-DV giảm mạnh. Tuy nhiên, HueWACO đã hoàn thành “mục tiêu kép” vừa phòng chống dịch bệnh vừa thúc đẩy sản xuất kinh doanh. Theo đó, sản lượng nước thương phẩm đạt 56,13 triệu m³ (tăng 3,18% tương ứng tăng 1,74 triệu m³); doanh thu nước đạt 545,03 tỷ đồng, tăng 4,86% (tương ứng tăng 25,25 tỷ đồng); lợi nhuận sau thuế đạt 101,3 tỷ đồng, tăng 6,03% so với năm 2020. Trong năm, phát triển mới gần 11.000 khách hàng, tăng 18,81% (hơn 1.700 hộ) nhờ phát huy hiệu quả của dự án đầu tư công trung hạn, nhất là dự án NMN Thượng Long.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của BGD

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện đầy đủ, kịp thời các Nghị quyết, quyết định của HĐQT. Chủ động lập kế hoạch, quản lý, điều hành, sử dụng vốn, tài sản, lao động, phân công nhiệm vụ kịp thời, hợp lý và hiệu quả trong Ban Tổng giám đốc để chỉ đạo, điều hành sản xuất kinh doanh, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước và chế độ chính sách cho người lao động.

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021, thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty quy định, nhằm đảm bảo lợi ích cổ đông và người lao động, Tổng Giám đốc đã triển khai các giải pháp kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế và Nghị quyết của HĐQT Công ty.

Ban Tổng Giám đốc thực hiện tốt Nghị quyết HĐQT và các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 đề ra và việc thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị đã ban hành về hoạt động của Công ty.

Hàng tháng, Tổng giám đốc lập báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong tháng gửi HĐQT. Tại các cuộc họp của HĐQT, Tổng Giám đốc báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh tính đến thời điểm hiện tại và phương hướng hoạt động thời gian đến để Hội đồng quản trị xem xét, đánh giá việc thực hiện kế hoạch SXKD, các chỉ tiêu kinh tế tài chính để có chỉ đạo kịp thời; Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động

của Công ty kịp thời đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực cho mọi hoạt động SXKD của Công ty.

Việc tuân thủ và thực hiện các quy định của Luật doanh nghiệp, điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành.

Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động trong Công ty, Hội đồng quản trị đã hoàn thành tốt chức năng nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật trong việc giám sát đối với Ban Tổng giám đốc trong quá trình triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Kế hoạch, định hướng của HĐQT

3.1 Định hướng phát triển với 3 mục tiêu đột phá:

- Đột phá về cơ cấu tổ chức, nhân sự: nguồn nhân lực là chìa khóa vàng của thành công gắn với phát huy quyền làm chủ của tập thể CBCNV.
- Đột phá về quản trị điều hành: quản trị hiệu quả hoạt động, quản trị rủi ro; rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy trình, định mức kinh tế kỹ thuật.
- Đột phá về cơ sở vật chất, nhà máy, thiết bị ngày càng hiện đại, vận hành trên nền tảng công nghệ số.

3.2. Triển khai 5 giải pháp trọng tâm:

- Tái cơ cấu, quy hoạch nhân sự, đẩy mạnh đào tạo.
- Nâng cao chất lượng nước, cấp nước an toàn, an ninh nước, xây dựng Trung tâm điều hành và Trung tâm kinh doanh DVKH trên nền tảng số, dịch vụ hoàn hảo.
- Tạo sự đột phá về doanh thu dựa trên tiềm năng thế mạnh sẵn có, tiết giảm chi phí, kinh doanh ngày càng hiệu quả.
- Triển khai các dự án đầu tư theo kế hoạch, đảm bảo hiệu quả cao nhất.
- Đảm bảo hài hòa lợi ích cổ đông, người lao động và cộng đồng để phát triển bền vững.

3.3 Triển khai kế hoạch trọng tâm năm 2022

- Chỉ đạo, quản trị hoạt động của Công ty tiếp tục ổn định và phát triển, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022, cụ thể, phần đầu sản lượng nước thương phẩm đạt 57,63 triệu m³, tăng 2,66%; hoàn thành đưa vào vận hành Dự án NMN Vạn Niên giai đoạn 1 công suất 60.000m³/ngày đêm; khánh thành NM Thượng Long công suất 2.000m³/ngày đêm; đầu tư trạm TCĐA Châu Sơn 10.000m³; đầu tư xây dựng nhà máy Lộ Thủy 11.000m³/ngày đêm, lấy nước từ hồ Thủy Yên; khai trương Trung tâm Kinh doanh DVKH và đầu tư Trung tâm vận hành tự động. Đặc biệt, phần đầu thu nhập người lao động tăng 6% so với năm 2021.

- Tăng cường công tác dự báo, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính toàn Công ty an toàn, hiệu quả. Linh hoạt điều chỉnh chiến lược kinh doanh của Công ty phù hợp với tình hình thực tế. Cải tiến hệ thống quản trị theo hướng tiên tiến để đáp ứng việc quản trị Công ty theo định hướng phát triển. Chỉ đạo kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động của Công ty. Chỉ đạo đẩy mạnh và đổi mới công tác đào tạo, tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm và chính sách lương thưởng.

- Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

E. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên HĐQT

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Ông Lê Quang Minh	Chủ tịch Hội đồng quản trị (bổ nhiệm từ ngày 24/12/2021)
2	Ông Trương Công Nam	Chủ tịch Hội đồng quản trị (miễn nhiệm từ ngày 24/12/2021)
3	Ông Trương Công Hân	TV Hội đồng quản trị
4	Ông Trần Văn Thọ	TV Hội đồng quản trị
5	Ông Dương Quý Dương	TV Hội đồng quản trị
6	Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	TV Hội đồng quản trị
7	Ông Trương Minh Châu	TV Hội đồng quản trị
8	Ông Vũ Anh Tuấn	TV Hội đồng quản trị

1.2. Đánh giá hoạt động của HĐQT

Với sự chỉ đạo kịp thời, sâu sát của HĐQT; sự nỗ lực của Ban Tổng giám đốc cùng toàn thể CBCNV đoàn kết, thống nhất đã từng bước khắc phục các tồn tại, đảm bảo hoàn thành kế hoạch SXKD theo Nghị quyết của HĐQT.

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ trong công tác quản lý, điều hành hoạt động của Công ty. Các Nghị quyết của HĐQT ban hành đều có sự thống nhất cao. Sự phối hợp giữa HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty đều được thực hiện chặt chẽ và phù hợp.

Các cuộc họp của HĐQT:

T T	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Ông Lê Quang Minh	CT HĐQT	24/12/2021	1/1	100%	Được bầu làm TV HĐQT theo NQ số 779/NQ-HWS ngày 24/12/2021
2	Ông Trương Công Nam	CT HĐQT	01/01/2017 - 24/12/2021	3/3	100%	Miễn nhiệm theo NQ số 776/NQ-HWS ngày 24/12/2021
3	Ông Trương Công Hân	TV / Tổng giám đốc	01/01/2017	4/4	100%	
4	Ông Vũ Anh Tuấn	TV HĐQT	01/01/2017	4/4	100%	Ủy quyền cho bằng văn bản cho ông Ngô Đức Vũ tham dự và lấy ý kiến bằng văn bản
5	Ông Trần Văn Thọ	TV HĐQT	01/01/2017	4/4	100%	
6	Ông Dương Quý Dương	TV HĐQT	01/01/2017	4/4	100%	
7	Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	TV HĐQT	01/01/2017	4/4	100%	
8	Ông Trương Minh Châu	TV HĐQT	01/01/2017	4/4	100%	

- Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Thời gian	Nội dung
1	158/NQ-HĐQT	30/03/2021	Thông qua nội dung họp HĐQT Quý I-2021
2	252/NQ-HĐQT	22/05/2021	V/v hủy danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông năm 2021 lập ngày 19/04/2021; Phê duyệt ngày đăng ký cuối cùng và gia hạn tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.
3	588/NQ-HĐQT	16/09/2021	Đánh giá công tác chỉ đạo, điều hành SXKD Quý III/2021 và kế hoạch SXKD Quý IV/2021

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Thời gian	Nội dung
4	685/NQ-HWS	09/11/2021	V/v triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021
5	788/NQ-HĐQT	24/12/2021	Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

- Thành viên HĐQT độc lập: Không có

1.3. Các tiểu ban trực thuộc: Không có

1.4. Đào tạo về quản trị công ty: Trong năm 2021, các thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng giám đốc được tạo điều kiện tham dự các chương trình đào tạo ngắn hạn về quản trị, tài chính và các lĩnh vực chuyên môn khác.

2. Ban kiểm soát

2.1. Thành viên BKS

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Bà Nguyễn Thị Liên Ngọc	Trưởng BKS	Sở hữu cá nhân: 101.700	0,12
2	Bà Nguyễn Ái Minh	TV BKS	Sở hữu cá nhân: 15.000	0,02
3	Bà Nguyễn Thị Trang	TV BKS	Sở hữu đại diện: 2.293.018 (C.ty TNHH Cơ điện Hawaco)	2,62

2.2. Đánh giá hoạt động của BKS

Trong năm 2021, BKS đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo Quy chế hoạt động của BKS: thường xuyên giám sát tình hình hoạt động của Công ty, thực hiện việc kiểm tra, giám sát về tài chính, báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời giám sát, đánh giá sự tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc.

Các cuộc họp trong năm của BKS:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Bà Nguyễn Thị Liên Ngọc	Trưởng ban	3/3	100%	
2	Bà Nguyễn Ái Minh	Thành viên	3/3	100%	
3	Bà Nguyễn Thị Trang	Thành viên	3/3	100%	

Hội đồng quản trị đã luôn tạo điều kiện cho BKS tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị, các cuộc họp giao ban hằng tháng. Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã phối hợp chặt chẽ và luôn tạo điều kiện để Ban Kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ

2.3. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021

Trong năm qua, trên cơ sở nhiệm vụ và quyền hạn được phân công, Ban kiểm soát đã thực hiện công tác giám sát, kiểm tra, kiểm soát hoạt động tài chính, công tác quản lý và điều hành Công ty thông qua các hoạt động chủ yếu sau:

Giám sát các chỉ số tài chính; theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua các báo cáo độc lập của Ban Kiểm soát trình lên Chủ tịch HĐQT Công ty hằng tháng.

Tham gia đề xuất việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021.

Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban tổng giám đốc trong việc chỉ đạo điều hành hoạt động SXKD năm 2021: Kiểm tra, rà soát các khoản chi tiêu, đối chiếu với các quy chế, điều lệ tổ chức của Công ty đã ban hành và các quyết định của Chủ tịch hội đồng quản trị, có ý kiến với Hội đồng quản trị điều chỉnh cho phù hợp.

Tham gia tất cả các phiên họp của Hội đồng quản trị (HĐQT); các cuộc họp giao ban hằng tháng; đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban giám đốc về các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Giám sát việc công bố thông tin báo cáo tài chính Công ty đến UBCK nhà nước; Sở GDCK Hà Nội theo quy định về công bố thông tin trên sàn chứng khoán.

Thường xuyên giám sát việc thực hiện hợp đồng giao khoán của các xí nghiệp và phòng ban chuyên môn thông qua việc quyết toán HĐGK hằng tháng, quý.

Thẩm định các báo cáo tài chính quý, 6 tháng và năm của Công ty, Ban kiểm soát đánh giá BCTC năm 2021 như sau:

BCTC năm 2021 của Công ty cổ phần cấp nước Thừa Thiên Huế được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và dịch vụ tin học Hồ Chí Minh tại Đà Nẵng, BCTC của kiểm toán độc lập chấp thuận toàn phần BCTC của Công ty.

Qua quá trình kiểm soát BCTC năm 2021, BCTC phản ánh trung thực, hợp lý, phù hợp với chuẩn mực kế toán doanh nghiệp Việt Nam và không có sai sót trọng yếu.

2.4. Những kiến nghị của BKS về phương hướng hoạt động năm 2022

- Sớm hoàn thành dự án Nhà máy xử lý nước sạch Vạn Niên công suất 120.000 m³/ngày đêm (giai đoạn 1 60.000m³/ngđ) trong năm 2021, đáp ứng nhu cầu cấp nước

cho hơn 90% dân số toàn Tỉnh, đảm bảo cấp nước an toàn, an ninh nước sạch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2022-2030 và lâu dài.

- Tiếp tục chú trọng công tác quản trị chi phí sản xuất kinh doanh như: trả lương theo hiệu quả công việc; tiết giảm chi phí năng lượng, nguyên vật liệu theo hướng năng lượng sạch bằng các ứng dụng khoa học công nghệ; tiếp tục thực hiện công tác khoán chi phí...

- Đảm bảo tăng doanh thu nước (sau khi loại trừ ảnh hưởng của yếu tố dịch bệnh theo 3 phương án SXKD của Công ty) nhằm hướng đến hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2022.

- Đại dịch Covid-19 đã tạo nhiều biến động và xáo trộn trên toàn cầu, dư âm của nó vẫn còn ảnh hưởng tiếp tục trong những tháng đầu năm 2022. Hội đồng quản trị tiếp tục đổi mới bằng cách ứng dụng công nghệ 4.0 trong quản lý, Ban đạo tạo chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao sẽ là hướng đi bền vững và kim chỉ nam để Công ty tiếp tục phát triển vững chắc.

3. Giao dịch và thu lao của HĐQT, BKS và BGD

3.1. Thu lao của HĐQT, BKS và BGD

Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua mức thù lao đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách và Thư ký Công ty năm 2021, như sau:

- | | | |
|---------------------------------|---|--------------------------|
| 1. Thành viên Hội đồng quản trị | : | 5 triệu đồng/người/tháng |
| 2. Thành viên Ban kiểm soát | : | 4 triệu đồng/người/tháng |
| 3. Thư ký Công ty | : | 3 triệu đồng/người/tháng |

3.2. Giao dịch cổ phiếu của NNB và NLQ đến NNB: Không có.

3.3. Giao dịch, hợp đồng của công ty với người có liên quan: Không có.

4. Tăng cường quản trị công ty

4.1. Tuân thủ quy định về quản trị công ty

Từ khi tham gia thị trường chứng khoán đến nay, Công ty luôn chủ động nắm bắt các quy định pháp luật có liên quan và cập nhật kịp thời như:

- Tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ về Công bố thông tin.
- Định kỳ tổ chức Đại hội đồng cổ đông
- Xây dựng điều lệ, Quy chế quản trị bám sát theo Luật Doanh Nghiệp 2020 và Thông tư 116 của Bộ Tài chính.

Những việc trên một mặt nâng cao hiệu quả quản lý, mặt khác thúc đẩy sự công bằng, minh bạch trong quá trình xử lý sự cố và những sai sót phát sinh. Qua đó giúp ổn định và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cho Công ty.

F. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Mục tiêu phát triển bền vững

➤ Đối với khách hàng:

- Đảm bảo cấp nước an toàn và ngon, đủ áp lực và lưu lượng.
- Dịch vụ hoàn hảo, kịp thời đáp ứng yêu cầu của khách hàng.

➤ Đối với cổ đông:

- Thực hiện công bố thông tin công khai, minh bạch.
- Đảm bảo tỷ lệ cổ tức ổn định và bền vững.

➤ Đối với nhà nước:

- Tuân thủ chính sách nhà nước trong hoạt động kinh doanh,
- Đảm bảo thực hiện đầy đủ các khoản nộp ngân sách và nghĩa vụ thuế,

➤ Đối với người lao động:

- Xây dựng chính sách lương thưởng hiệu quả, hợp lý với mục thu nhập cạnh tranh,
- Đảm bảo sức khỏe và điều kiện làm việc an toàn với người lao động,
- Chăm lo đời sống tinh thần của người lao động,

➤ Đối với cộng đồng xã hội:

- Phát triển nhưng đảm bảo bền vững về môi trường,
- Chia sẻ, chung tay với các hoạt động vì cộng đồng,

2. Đánh giá của BGD

➤ Đánh giá các hoạt động liên quan đến môi trường

- Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, các yếu tố có thể ảnh hưởng đến môi trường đều được Công ty chú trọng chỉ đạo, thực hiện để đảm bảo không gây ảnh hưởng môi trường.

- Các dự án đầu tư đều được thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và thực hiện đầy đủ các cam kết chế độ báo cáo theo quy định về môi trường.

➤ Đánh giá các hoạt động liên quan đến người lao động

- Tất cả CBCNV- LĐ đều được đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội đầy đủ, kịp thời. Quy chế, thỏa ước lao động được ký với công đoàn và được cấp trên phê duyệt.

- Công đoàn cơ sở công ty tạo nguồn vốn cho CBCNV cần vay vốn từ quỹ tương trợ do CBCNV đóng góp hàng tháng.

➤ Đánh giá các hoạt động liên quan đến cộng đồng – xã hội

- Với định hướng phát triển bền vững trong tương lai, HueWACO không chỉ chú trọng tới lợi ích của Công ty mà còn quan tâm đến vấn đề cộng đồng và lợi ích xã hội. HueWACO luôn hiểu rằng sự phát triển của Công ty góp phần tạo nên sự phát triển của địa phương, xã hội, và ngược lại sự ủng hộ của cộng đồng địa phương cũng chính là động lực để Công ty nỗ lực hơn nữa trong tương lai. Công ty luôn tâm niệm rằng mọi hoạt động của công ty đang thực hiện đều hướng tới mục tiêu phục vụ cuộc sống của cộng đồng tốt hơn, để cả cộng đồng đều có thể được sử dụng nguồn nước sạch và an toàn. Trong những năm qua, công ty đã tổ chức nhiều hoạt động cộng đồng như tuyên góp từ thiện, ủng hộ cho những đồng bào vùng lũ, hỗ trợ cán bộ công nhân viên gặp hoàn cảnh khó khăn,...

➤ **Quản lý nguồn nguyên vật liệu**

- Lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất nước sạch bao gồm một số hóa chất xử lý nước theo quy định phù hợp với tiêu chuẩn nước ăn uống như: Vôi, javel, PAC...

- Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt công tác xả thải ra môi trường. Cụ thể, trong quá trình sản xuất nước, phần bùn thu hồi sau quá trình xử lý nước, công ty lắp đặt hệ thống thu hồi trực tiếp ra sân phơi bùn. Sau khi phơi khô sẽ dùng để san lấp mặt bằng. Lượng bùn này đã được trung tâm Quatest II kiểm nghiệm ko nguy hại cho môi trường nên với sáng kiến thu hồi trên vừa tiết kiệm chi phí vật liệu san lấp, vừa giải quyết lượng chất thải ra môi trường.

➤ **Tiêu thụ năng lượng**

- Trong sản xuất, Công ty luôn ý thức được mức độ ảnh hưởng của nguồn nước đối với sản xuất và đời sống người dân nên luôn có sáng kiến tuần hoàn, tái sử dụng nguồn nước, áp dụng các năng lượng sạch vào sản xuất nhằm hạn chế các tác động tiêu cực đến môi trường.

- Năng lượng tiêu thụ: trực tiếp và gián tiếp

➤ **Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

- Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, các yếu tố có thể ảnh hưởng đến môi trường đều được Công ty chú trọng chỉ đạo, thực hiện để đảm bảo không gây ảnh hưởng môi trường.

- Các dự án đầu tư đều được thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và thực hiện đầy đủ các cam kết chế độ báo cáo theo quy định về môi trường.

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định: Không có.

➤ **Chính sách liên quan đến người lao động**

- Tất cả CBCNV- LĐ đều được đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội đầy đủ, kịp thời. Quy chế, thỏa ước lao động được ký với công đoàn và được cấp trên phê duyệt.
- Công đoàn cơ sở công ty tạo nguồn vốn cho CBCNV cần vay vốn từ quỹ tương trợ do CBCNV đóng góp hàng tháng.

➤ Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

- Ngoài nỗ lực kinh doanh, năm 2021, HueWACO tích cực tham gia hoạt động từ thiện xã hội với số tiền gần 2 tỷ đồng. Nổi bật, công ty đã đồng hành cùng tỉnh nhà trong công tác phòng chống dịch COVID 19, hỗ trợ người dân TT. Huế tại TP.HCM gặp khó khăn do dịch bệnh và tiếp tục đồng hành cùng các bệnh nhân; lực lượng tuyến đầu tập trung phòng chống dịch với tổng số tiền 1,5 tỷ đồng. Ngoài ra, tái kích hoạt 30 máy rửa tay sát khuẩn tự động tại các điểm công cộng, chợ, trung tâm thương mại trên toàn tỉnh. Bên cạnh đó, nhằm đảm bảo an toàn phòng chống dịch trước, trong và sau bầu cử, công ty đã tổ chức phun khử trùng tại 43 điểm bầu cử tại Nam Đông và các điểm bầu cử tại một số phường thuộc thành phố Huế. Việc thực hiện phong trào đền ơn đáp nghĩa, các hoạt động từ thiện tiếp tục được Lãnh đạo Công ty và các tổ chức đoàn thể quan tâm thực hiện với tổng số tiền gần 500 triệu đồng.

G. KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến của Kiểm toán đối với Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Chi tiết báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế đã được công bố thông tin trên website: www.huewaco.com.vn, chuyên mục Quan hệ cổ đông.

Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty

Nơi nhận: *Abym*

- UBCK NN (để b/c);
- Sở GD&ĐT Hà Nội (để b/c);
- UBND tỉnh TT Huế (để b/c);
- Thành viên HĐQT, Ban KS;
- Lưu: VT, NQT.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Lê Quang Minh